



BẢNG THỐNG KÊ THỪA ĐẤT, DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số: 135 /TB-UBND ngày 25/9/2006 của UBND xã Thuy Hùng)

STT	Chủ sử dụng	Địa chỉ thường trú	Tờ BĐDC số	Số thửa	Diện tích	Diện tích thu hồi đường	Diện tích thu hồi bãi đỗ thải	Loại đất	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hoàng Xuân Bình	Thôn Hành Thanh	57	269	852,00	24,60		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	355	113,00	4,30		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	356	47,00	26,40		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	358	128,00	3,30		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	389	71,00	52,30		HNK	Thôn Hành Thanh	
2	Hoàng Văn Tuấn (Khợ)	Thôn Hành Thanh	57	359	28,00	1,30		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	360	328,00	95,90		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	361	146,00	134,50		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	418	94,00	64,00		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	419	66,00	65,70		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	362	184,00	152,40		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	363	212,00	74,20		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	364	318,00	1,10		HNK	Thôn Hành Thanh	
3	Hoàng Văn Hiên	Thôn Hành Thanh	57	406	263,00	29,20		LUC	Thôn Hành Thanh	
			57	407	46,00	3,80		LUC	Thôn Hành Thanh	
			57	408	114,00	71,70		LUC	Thôn Hành Thanh	
			57	409	184,00	167,00		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	410	161,00	5,80		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	417	35,00	35,00		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	418	94,00	30,00		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	420	222,00	87,40		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	421	334,00	1,70		HNK	Thôn Hành Thanh	

4	Bể Ngọc Tâm	Thôn Hành Thanh	57	427	68,00	68,00		HNK	Thôn Hành Thanh	
			57	428	277,00	2,30		HNK	Thôn Hành Thanh	
			2	335	13.645,00	4,60		RSX	Thôn Hành Thanh	
			2	335	13.645,00	57,80		HNK	Thôn Hành Thanh	
			2	366	2.404,00	880,10		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	366	2.404,00	278,50		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	367	19.970,00	18,50		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	367	19.970,00	115,40		RSX	Thôn Hành Thanh	
			2	367	19.970,00	173,90		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	367	19.970,00	35,20		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	367	19.970,00	2.497,30		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	367	19.970,00	105,50		RPH	thôn Hành Thanh	
			2	381	3.456,00	977,10		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	381	3.456,00	977,10		RPH	Thôn Hành Thanh	
5	Bể Văn Hội	Thôn Hành Thanh	57	416	115,00	41,60		NTS	Thôn Hành Thanh	
			70	76	72,00	3,30		LUC	Thôn Hành Thanh	
			70	79	42,00	4,50		LUC	Thôn Hành Thanh	
			2	314	115.506,00	517,30		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	367	19.970,00	275,20		RPH	thôn Hành Thanh	
			2	367	19.970,00	249,10		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	381	3.456,00	732,90		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	403	3.585,00	89,90		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	335	13.645,00	30,40		RSX	Thôn Hành Thanh	
			2	434	12.672,00	281,50		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	434	12.672,00	281,50		RPH	Thôn Hành Thanh	
6	Luu Văn Ban	thôn Hành Thanh	70	61	836,00	7,80		RPH	thôn Hành Thanh	
			70	88	272,00	23,20		RPH	thôn Hành Thanh	
			2	314	115.506,00	60,50		RPH	thôn Hành Thanh	
			2	314	115.506,00	4,40		RPH	thôn Hành Thanh	

			2	314	115.506,00	183,60		RPH	thôn Hành Thanh	
			2	381	3.456,00	710,50		RPH	thôn Hành Thanh	
			2	335	13.645,00	607,20		RSX	thôn Hành Thanh	
7	Bể Văn Hường	Thôn Hành Thanh	70	81	168,00	93,60		LUC	Thôn Hành Thanh	
			70	83	81,00	81,00		LUC	Thôn Hành Thanh	
			2	314	115.506,00	33,50		RPH	thôn Hành Thanh	
			2	314	115.506,00	21,30		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	314	115.506,00	50,40		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	335	13.645,00	45,10		RSX	thôn Hành Thanh	
			2	335	13.645,00	179,10		RSX	Thôn Hành Thanh	
			2	382	17.091,00	164,10		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	403	3.585,00	120,60		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	382	17.091,00	67,10		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	403	3.585,00	1.855,40		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	434	12.672,00	117,00		RPH	Thôn Hành Thanh	
8	Bể Văn Tàn	thôn Hành Thanh	2	335	13.645,00	13,10		RSX	thôn Hành Thanh	
9	Bể Văn Ly	thôn Hành Thanh	2	335	13.645,00	123,80		RSX	thôn Hành Thanh	
10	Tranh chấp Lưu Văn Ban với Dương Công Nghị và Dương Công Hoan	thôn Hành Thanh	2	335	13.645,00	15,20		RSX	thôn Hành Thanh	
			2	314	115.506,00	759,10		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	345	16.841,00	167,50		RSX	thôn Hành Thanh	
			2	345	16.841,00	171,90		RSX	thôn Hành Thanh	
			2	345	16.841,00	30,40		RPH	thôn Hành Thanh	
			2	345	16.841,00	755,00		RPH	thôn Hành Thanh	
			2	345	16.841,00	50,10		RPH	Thôn Hành Thanh	
11	Dương Công Nghị	Thôn Hành Thanh	2	359	14.559,00	691,80		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	359	14.559,00	726,30		RPH	Thôn Hành Thanh	
			2	367	19.970,00	27,30		RPH	Thôn Hành Thanh	

			2	367	19.970,00	89,20		RPH	Thôn Hành Thanh	
12	Hoàng Văn Ngón	Thôn Thanh Long	2	393	11.474,00	27,90		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	418	8.071,00	148,50		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	418	8.071,00	483,80		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	419	7.429,00	141,90		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	419	7.429,00	593,40		RSX	Thôn Thanh Long	
13	Hoàng Thiện Tâm	Thôn Thanh Long	2	418	8.071,00	409,60		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	418	8.071,00	297,50		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	419	7.429,00	142,30		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	419	7.429,00	629,20		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	441	8.688,00	179,70		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	441	8.688,00	820,70		RSX	Thôn Thanh Long	
14	Hoàng Đức Huy	Thôn Thanh Long	2	434	12.672,00	785,10		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	434	12.672,00	42,00		RPH	Thôn Thanh Long	
15	Lý Văn Hường	Thôn Thanh Long	2	441	8.688,00	65,20		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	441	8.688,00	492,50		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	455	5.985,00	44,80		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	455	5.985,00	214,10		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	821,60		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	270,10		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	228,80		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	592	16.034,00	2.404,50		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	592	16.034,00	592,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	592	16.034,00	592,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	592	16.034,00	592,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	454	9.177,00	1.512,30		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	454	9.177,00	192,80		RPH	Thôn Thanh Long	

16	Hoàng Thị Thúy (chồng là Hoàng Văn Hiền)	Thôn Thanh Long	2	452	13.873,00	288,50		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	452	13.873,00	32,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	462	6.744,00	371,70		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	462	6.744,00	1.822,30		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	568	5.258,00	968,50		RPH	Thôn Thanh Long	
17	Lương Văn Kên	Thôn Thanh Long	2	452	13.873,00	39,90		HNK	Thôn Thanh Long	
			2	454	9.177,00	21,80		HNK	Thôn Thanh Long	
			2	494	7.832,00	46,00		HNK	Thôn Thanh Long	
			2	482	4.860,00	241,10		HNK	Thôn Thanh Long	
			2	496	8.453,00	56,10		HNK	Thôn Thanh Long	
18	Hoàng Văn Hiệp	Thôn Thanh Long	2	454	9.177,00	809,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	454	9.177,00	95,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	462	6.744,00	231,10		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	462	6.744,00	47,90		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	463	16.353,00	810,50		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	463	16.353,00	164,40		RPH	Thôn Thanh Long	
19	Hoàng Văn Lập	Thôn Thanh Long	2	455	5.985,00	124,50		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	494	7.832,00	1.847,10		RPH	Thôn Thanh Long	
20	Hoàng Văn Công	Thôn Thanh Long	2	455	5.985,00	149,30		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	455	5.985,00	40,70		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	463	16.353,00	1.880,50		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	463	16.353,00	590,60		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	463	16.353,00	544,70		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	463	16.353,00	98,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	482	4.860,00	45,60		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	504	9.208,00	141,80		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	505	7.919,00	153,50		RPH	Thôn Thanh Long	

			2	455	5.985,00	476,80		RSX	Thôn Thanh Long	
21	Hoàng Trung Vù	Thôn Thanh Long	2	505	7.919,00	797,90		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	482	4.860,00	63,30		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	496	8.453,00	1.622,80		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	482	4.860,00	16,60		RPH	Thôn Thanh Long	
22	Hoàng Thiện Từ	Thôn Thanh Long	2	496	8.453,00	595,80		RPH	Thôn Thanh Long	
23	Hoàng Văn Hoà	Thôn Thanh Long	2	434	12.672,00	707,70		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	504	9.208,00	502,90		RPH	Thôn Thanh Long	
24	Hoàng Văn Lâm	Thôn Thanh Long	2	504	9.208,00	85,20		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	504	9.208,00	1.649,20		RPH	Thôn Thanh Long	
25	Hoàng Văn Luyện	Thôn Thanh Long	2	493	4.848,00	174,80		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	503	5.015,00	432,00		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	503	5.015,00	78,80		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	506	1.566,00	5,80		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	516	9.685,00	743,00		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	516	9.685,00	146,90		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	504	9.208,00	141,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	506	1.566,00	684,30		RSX	Thôn Thanh Long	
26	Hoàng Văn Kiểu	Thôn Thanh Long	2	493	4.848,00	162,20		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	493	4.848,00	954,10		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	504	9.208,00	15,60		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	504	9.208,00	115,30		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	516	9.685,00	333,70		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	516	9.685,00	920,70		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	560	30.163,00	360,20		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	560	30.163,00	1.099,10		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	560	30.163,00	48,20		RPH	Thôn Thanh Long	

			2	575	18.867,00	122,90		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	575	18.867,00	113,70		RPH	Thôn Thanh Long	
27	Hoàng Minh Toán	Thôn Thanh Long	2	528	3.360,00	196,80		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	516	9.685,00	65,80		RSX	Thôn Thanh Long	
28	Lương Thanh Phúc	Thôn Thanh Long	2	522	5.178,00	2.134,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	522	5.178,00	945,20		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	528	3.360,00	420,00		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	528	3.360,00	41,80		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	516	9.685,00	263,30		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	528	3.360,00	565,50		RSX	Thôn Thanh Long	
29	Hoàng Văn Tân	Thôn Thanh Long	2	529	5.203,00	2.187,10		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	529	5.203,00	476,30		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	530	6.590,00	1.383,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	530	6.590,00	359,20		RPH	Thôn Thanh Long	
30	Hoàng Xuân Tuyền	Thôn Thanh Long	2	530	6.590,00	299,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	530	6.590,00	81,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	540	7.730,00	1.222,20		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	540	7.730,00	389,50		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	542	11.751,00	147,30		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	542	11.751,00	54,30		RPH	Thôn Thanh Long	
31	Hoàng Văn Cảnh	Thôn Thanh Long	2	542	11.751,00	913,80		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	542	11.751,00	345,00		RPH	Thôn Thanh Long	
32	Hoàng Văn Tuấn	Thôn Thanh Long	2	542	11.751,00	186,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	542	11.751,00	130,30		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	560	30.163,00	223,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	560	30.163,00	90,40		RPH	Thôn Thanh Long	
33	Hoàng Văn Thường	Thôn Thanh Long	2	559	8.074,00	913,10		RPH	Thôn Thanh Long	

34	Hoàng Văn Định	Thôn Thanh Long	2	569	13.358,00	1.253,90		RPH	Thôn Thanh Long	
35	Hoàng Văn Hoan	Thôn Thanh Long	2	569	13.358,00	641,50		RPH	Thôn Thanh Long	
36	Hoàng Văn Thượng	Thôn Thanh Long	2	575	18.867,00	168,20		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	575	18.867,00	483,20		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	575	18.867,00	231,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	575	18.867,00	78,50		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	288,80		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	90,80		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	30,60		RPH	Thôn Thanh Long	
37	Bế Văn Sláy	Thôn Thanh Long	2	576	11.500,00	2.395,90		RPH	Thôn Thanh Long	
38	Hoàng Văn Tiến	Thôn Thanh Long	2	582	8.148,00	1.852,40		RSX	Thôn Thanh Long	
			2	582	8.148,00	83,50		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	582	8.148,00		2.033,10	RSX	Thôn Thanh Long	
39	Hoàng Thị Hường	Thôn Thanh Long	2	591	36.802,00	640,50		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	247,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	87,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	592	16.034,00	377,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	598	15.043,00	217,50		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	591,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	591	36.802,00	591,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	598	15.043,00	598,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	598	15.043,00	598,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	598	15.043,00	598,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	598	15.043,00	598,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	592	16.034,00	592,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	592	16.034,00	592,00		RPH	Thôn Thanh Long	
40	Hoàng Thiên Chí	Thôn Thanh Long	2	482	4.860,00	246,60		BCS	Thôn Thanh Long	

40	Hoàng Thị Yến Chi	Thôn Thanh Long	2	452	13.873,00	93,40		BCS	Thôn Thanh Long	
41	Lộc Văn Dương	Thôn Thanh Long	2	622	169.810,00		12.221,00	RPH	Thôn Thanh Long	
			2	622	169.810,00	622,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	622	169.810,00	622,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	622	169.810,00	622,00		RPH	Thôn Thanh Long	
42	Lê Thị Hương	Thôn Thanh Long	2	622	169.810,00	622,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	622	169.810,00		2.611,50	RPH	Thôn Thanh Long	
			2	622	169.810,00	622,00		RPH	Thôn Thanh Long	
43	Lý Viết Sơn	Thôn Thanh Long	2	604	22.954,00		6.553,90	RPH	Thôn Thanh Long	
			2	604	22.954,00	604,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	604	22.954,00	604,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	604	22.954,00	604,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	599	79.389,00		9.408,40	RSX	Thôn Thanh Long	
			2	622	169.810,00	622,00		RPH	Thôn Thanh Long	
44	Lý Viết Phun	Thôn Thanh Long	2	599	79.389,00		6.024,50	RSX	Thôn Thanh Long	
			2	599	79.389,00	599,00		RSX	Thôn Thanh Long	
45	Lưu Văn Hoàn	Thôn Thanh Long	2	685	201.096,00	685,00		RPH	Thôn Thanh Long	
46	Hoàng Văn Thiện	Thôn Thanh Long	2	685	201.096,00	685,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	685	201.096,00	685,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	705	61.252,00	100,60		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	702	52.169,00	1.256,90		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	685	201.096,00	685,00		RPH	Thôn Thanh Long	
47	Lý Văn Sơn	Thôn Thanh Long	2	622	169.810,00	622,00		RPH	Thôn Thanh Long	
48	Lý Viết Biểu	Thôn Thanh Long	2	599	79.389,00		4.141,80	RSX	Thôn Thanh Long	
49	Nguyễn Thị Hương	Thôn Thanh Long	2	705	61.252,00	277,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	705	61.252,00	4.180,80		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	705	61.252,00	825,00		RPH	Thôn Thanh Long	

49	Nguyễn Thị Hương	Thôn Thanh Long	2	693	23.241,00	3.008,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	700	18.389,00	1.068,60		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	705	61.252,00	155,50		NTD	Thôn Thanh Long	
50	Mạc Văn Báo	Thôn Thanh Long	2	705	61.252,00	1.114,50		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	705	61.252,00	612,20		RPH	Thôn Thanh Long	
51	Mạc Văn Báo	Thôn Thanh Long	2	702	52.169,00	6.868,20		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	702	52.169,00	1.177,30		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	700	18.389,00	1.519,30		RPH	thôn Thanh Long	
			2	723	65.519,00	149,80		RPH	thôn Thanh Long	
52	Hoàng Văn Thề	Thôn Thanh Long	2	685	201.096,00	159,80		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	742	30.797,00	5.554,80		RPH	thôn Thanh Long	
53	Lê Văn Báo	Thôn Thanh Long	2	725	84.761,00			RPH	Thôn Thanh Long	
			2	725	84.761,00	40,40		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	725	84.761,00	1.531,00		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	725	84.761,00	672,90		RPH	Thôn Thanh Long	
			2	725	84.761,00	867,10		RPH	thôn Thanh Long	
54	Nông Văn Thượng	Thôn Thanh Long	2	705	61.252,00	656,30		RPH	Thôn Thanh Long	
55	Đàm Thị Mừng	thôn Thanh Long	2	754	110.583,00	13.702,00		RPH	thôn Thanh Long	
56	Lương Viết Vang	thôn Thanh Long	2	723	65.519,00	5.529,80		RPH	thôn Thanh Long	
57	Lương Viết Cường	thôn Thanh Long	2	723	65.519,00	6.183,00		RPH	thôn Thanh Long	
58	Tô Văn Giáp	thôn Thanh Long	2	741	92.329,00	900,40		RPH	thôn Thanh Long	
59	Tranh chấp Đàm Thị Mừng - Hoàng Văn Thề	thôn Thanh Long	2	742	30.797,00	954,50		RPH	thôn Thanh Long	
60	Nông Thị Hèo	thôn Nà Phân	2	787	149.542,00	7.040,10		RPH	thôn Nà Phân	
			2	787	149.542,00	10.147,20		RPH	thôn Nà Phân	
61	Nguyễn Xuân Lạng	thôn Nà Phân	2	818	228.397,00	59,60		RPH	thôn Nà Phân	
			2	798	187.071,00	5.661,00		RPH	thôn Nà Phân	
			2	818	228.397,00	6.292,10		RPH	thôn Nà Phân	

62	Lương Văn Minh	thôn Nà Phán	2	798	187.071,00	6.059,10		RPH	thôn Nà Phán	
63	Nông Văn Thiện	thôn Nà Phán	2	798	187.071,00	9.604,60		RPH	thôn Nà Phán	
			2	798	187.071,00		23.789,60	RPH	thôn Nà Phán	
			2	778	13.688,00		5,10	RPH	thôn Nà Phán	
64	Nông Văn ý	thôn Nà Phán	2	831	135.612,00	11.327,30		RPH	thôn Nà Phán	
			2	831	135.612,00	297,20		RPH	thôn Nà Phán	
			2	831		36,10		RPH	Thôn Nà Phán	
65	Chu Văn Hoan	Thôn Nà Phán	2	899	44.982,00	789,10		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	899	44.982,00	2.330,50		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	899	44.982,00	235,10		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	899	44.982,00	2.007,60		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	899	44.982,00	81,60		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	899	44.982,00	2.515,80		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	899	44.982,00	8.597,50		RPH	Thôn Nà Phán	
66	Chu Văn Long	Thôn Nà Phán	2	905	48.617,00	1.033,40		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	889	44.982,00	893,20		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	899	44.982,00	1.209,00		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	909	123.088,00	595,10		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	909	123.088,00	92,10		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	905	48.617,00	2.852,60		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	905	48.617,00	844,50		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	909	123.088,00	3.809,90		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	909	123.088,00	631,10		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	905	48.617,00	747,60		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	899	44.982,00	526,60		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	856	164.880,00	23,50		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	899	44.982,00	3,40		RPH	Thôn Nà Phán	

67	Lăng Văn Thiết	Thôn Nà Phân	2	856	164.880,00	26.198,40		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	899	44.982,00	27,20		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	562	164.880,00	1.274,60		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	856	164.880,00	4.260,70		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	856	164.880,00	3.467,60		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	856	164.880,00	1.929,60		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	899	44.982,00	311,20		RPH	Thôn Nà Phân	
68	Lương Văn ấn	Thôn Nà Phân	2	917	60.490,00	3.450,50		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	917	60.490,00	702,20		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	917	60.490,00	1.904,80		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	917	60.490,00	4.176,70		RSX	Thôn Nà Phân	
			2	917	60.490,00	541,10		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	917	60.490,00	3.570,60		RSX	Thôn Nà Phân	
			2	909	123.088,00	3.893,40		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	909	123.088,00	619,00		RSX	Thôn Nà Phân	
			2	914	104.494,00	8,40		RSX	Thôn Nà Phân	
			2	909	123.088,00	346,70		RSX	Thôn Nà Phân	
			2	897	61.695,00	134,10		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	897	61.695,00	406,80		RSX	Thôn Nà Phân	
			2	897	61.695,00	43,50		RSX	Thôn Nà Phân	
			2	909	123.088,00	31,10		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	909	123.088,00	954,00		RSX	Thôn Nà Phân	
			2	917	60.490,00	748,90		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	909	123.088,00	420,50		RSX	Thôn Nà Phân	
			2	909	123.088,00	17,40		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	909	123.088,00	50,10		RPH	Thôn Nà Phân	
			2	909	123.088,00	363,50		RPH	Thôn Nà Phân	

69	Nông Văn Hùng	Thôn Nà Phán	2	909	123.088,00	440,80		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	905	48.617,00	534,10		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	905	48.617,00	193,90		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	909	123.088,00	3.570,30		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	909	123.088,00	1.014,30		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	896	25.276,00	47,40		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	896	25.276,00	207,40		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	909	123.088,00	291,80		RSX	Thôn Nà Phán	
			2	909	123.088,00	144,90		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	896	25.276,00	71,80		RPH	Thôn Nà Phán	
			2	909	123.088,00	27,30		RSX	Thôn Nà Phán	
70	Lăng Văn Phòng	Thôn Nà Phán	2	923	75.347,00	6.102,90		RSX	Thôn Nà Phán	
			2	923	75.347,00	1.114,40		RSX	Thôn Nà Phán	
Tổng cộng						311.004,40	66.788,90			

377.793,30

1	BCS	340,00
2	HNK	1.559,90
3	LUC	287,10
4	NTD	155,50
5	NTS	41,60
6	RSX	57.758,10
7	RPH	317.651,10
8		377.793,30